

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Mai Văn T**, sinh ngày 11/8/1990. CCCD số: 086090013231. Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Mộng T1**, sinh ngày 18/12/1989. Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như biên bản không tiến hành hoà giải nguyên đơn ông Mai Văn T theo trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 ông T và bà T1 có quen biết nhau và đi đến hôn nhân, hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 13/9/2012.

Sau khi kết hôn thì ông T và bà T1 sinh sống tại nhà của gia đình ông T. Thời

gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, do do ông T đi dân quân được mười mấy ngày ở nhà bà T1 bỏ nhà ra đi, ông T có kêu bà T1 về và hai bên thoả thuận sẽ ly hôn, sau đó bà T1 bỏ đi và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Ông T nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với bà T1 nên ông Mai Văn T yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T1.

- Về con chung: Không có nên ông Mai Văn T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mai Văn T không yêu cầu giải quyết.

Ngày 13/4/2026, ông Mai Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Lý do bận đi làm xa không tham dự phiên tòa.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập bà Huỳnh Thị Mộng T1 đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bà T1 không có ở nhà nên Tòa án đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật. Đến ngày làm việc, bà T1 không đến và không gửi bản khai ý kiến về việc ông Mai Văn T yêu cầu ly hôn với ông, do bị đơn đã triệu tập 02 lần không đến, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vắng mặt, do có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị Mộng T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật 02 lần đến Tòa án tham dự phiên tòa xét xử, bà T1 không đến vẫn vắng mặt. Ông Mai Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị Mộng T1 và ông Mai Văn T.

[1.2] Ông Mai Văn T yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T1 đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Bà Huỳnh Thị Mộng T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T do kết hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T1, sau đó cả hai đi đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 13/9/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn ông T có lời trình bày sau khi kết hôn ông T và bà T1 sinh sống tại nhà của gia đình ông T. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông đi dân quân bà T1 ở nhà bỏ đi vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Mai Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng có bản khai cho rằng trước khi bà T1 bỏ đi giữa ông và bà T1 có thỏa thuận sẽ ly hôn, sau đó bà T1 bỏ đi. Bà Huỳnh Thị Mộng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bà T1 vẫn vắng mặt. Xét hôn nhân giữa ông Mai Văn T và bà Huỳnh Thị Mộng T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho ông Mai Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T1 là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Ông Mai Văn T và bà Huỳnh Thị Mộng T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Mai Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mộng T1.

2. Về con chung: Ông Mai Văn T và bà Huỳnh Thị Mộng T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Mai Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003121 ngày 24/02/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông Mai Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn ông Mai Văn T và bị đơn bà Huỳnh Thị Mộng T1 vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp